

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2021
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thu Trang.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Hà Văn N, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hà Văn N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn với nhau năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là không hòa hợp nhau nên thường cự cãi làm cho hạnh phúc gia đình không còn nữa, từ đó vợ chồng đã ly thân

cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Có 02 người con tên Hà Thúy V, sinh ngày 16/02/1995 và Hà Trọng T, sinh ngày 28/6/1997. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Đ Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Đ vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Tuy nhiên chị có làm đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến thống nhất theo yêu cầu của anh Hà Văn N.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Hà Văn N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Nguyễn Thị Đ được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, chị Đ cũng có ý kiến thể hiện trong đơn xin vắng mặt là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với chị Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Hà Văn N và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn với nhau vào năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh N và chị Đ là không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản

1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Văn N và chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Anh Hà Văn N và chị Nguyễn Thị Đ có 02 người con tên Hà Thúy V, sinh ngày 16/02/1995 và Hà Trọng T, sinh ngày 28/6/1997. Hiện nay các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Hà Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy anh N đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Văn N và chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành và không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Hà Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ

(ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0007319 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2021). Đối với chị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Yên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm